

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 155/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc: “Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Trung tâm Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Huyền T, sinh năm 1988;
- Ông Trịnh Tiến Đ, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ thường trú: Thôn 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước;

Cùng địa chỉ tạm trú: Nhà trọ T, đường N, khu phố 7, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Huyền T và ông Trịnh Tiến Đ tự nguyện thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong việc dân sự về hôn nhân và gia đình.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của bà Trần Huyền T và ông Trịnh Tiến Đ được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản

bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Huyền T và ông Trịnh Tiến Đ thống nhất thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Bà Trần Huyền T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trịnh Bảo H, sinh ngày 20/6/2013. Ông Trịnh Tiến Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Trần Huyền T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0042691 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Duyên